

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 11 – 3 – 2022  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Liệt.

Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Xuân là Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Kim L, sinh năm 1985.

**- Bị đơn:** Anh Phạm Hữu N, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Võ Thị Kim L có mặt tại phiên tòa, anh Phạm Hữu N vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Kim L trình bày:**

Về hôn nhân: Chị L và anh N xác lập quan hệ hôn nhân năm 2001, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu nhau, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị L và anh N chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống. Vợ chồng sống chung nhưng thường xuyên cự cãi về tiền bạc nên bản thân chị L

rất chán nản, tình cảm không còn hợp nhau, anh N chơi bời ngoài xã hội dẫn đến nợ nần, không quan tâm chăm lo cho gia đình và nuôi con, chị L đã nhiều lần khuyên nhưng anh N không thay đổi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay chị Võ Thị Kim L yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hữu N.

Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 22/01/2002 (đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Phạm Thị Thúy Duy, sinh ngày 17/10/2008 (Hiện nay cháu Duy đang sống chung với chị L). Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Hữu N trình bày:*

Về hôn nhân: Anh N thống nhất, anh N và chị L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2001, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh N cũng thừa nhận có chơi bời nợ tiền ngoài xã hội, vợ chồng trong sinh hoạt hàng ngày thường xuyên cãi vã, mỗi khi đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh có điện thoại về liên lạc gia đình nhưng nói chuyện được 01 chút là anh N và chị L cãi vã về tiền bạc. Vì bản thân phải lo đi làm để trả nợ nên không có gửi tiền về để phụ tiếp nuôi con. Vợ chồng không có sự thống nhất trong cách sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh N, chị L không còn chung sống từ đầu năm 2021 đến nay. Khoảng thời gian ly thân, anh N và chị L có hàn gắn tình cảm nhưng không thành nhưng bản thân vẫn còn thương yêu vợ, con.

Nay anh Phạm Hữu N không thống nhất ly hôn với chị Võ Thị Kim L.

Về con chung: Anh N và chị L thống nhất có 02 con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 22/01/2002 và Phạm Thị Thúy Duy, sinh ngày 17/10/2008. Hiện nay, Phạm Thị Thúy A đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Phạm Thị Thúy Duy, sinh ngày 17/10/2008 (Hiện cháu Thúy Duy đang sống chung với chị L). Anh N thống nhất giao cháu Thúy Duy cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, không thống nhất cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Kim L và anh Phạm Hữu N. Về con chung:

Con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 22/01/2002, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung tên Phạm Thị Thúy Duy, sinh ngày 17/10/2008 cho chị Võ Thị Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 06/01/2022 (Bản chính); Giấy khai sinh của Phạm Thị Thúy Duy (Bản sao); Đơn xin xác nhận nơi cư trú người bị kiện (Bản chính); Giấy khai sinh của Phạm Thị Thúy A (Bản sao); Căn cước công dân của chị Võ Thị Kim L (Bản sao chứng thực); Sổ hộ khẩu (Bản sao chứng thực).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Hữu N cư trú tại Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Kim L yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hữu N.

Xét thấy, chị L và anh N chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”.

Trong quá trình chung sống chị L và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự thống

nhất trong cách sinh hoạt hàng ngày. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị L và anh N không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh N là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 22/01/2002, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với con chung tên Phạm Thị Thúy Duy, sinh ngày 17/10/2008 hiện đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thúy Duy, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, kể từ khi ly thân chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thúy Duy. Mặt khác, chị L hiện nay có việc làm ổn định có thể đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, theo bản khai ngày 24/02/2022 cháu Thúy Duy có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, giao con chung cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Do chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh N xác định tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9 và Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim L.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Kim

L và anh Phạm Hữu N.

- Về con chung: Con chung tên Phạm Thị Thúy A, sinh ngày 22/01/2002, đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Giao con chung tên Phạm Thị Thúy Duy, sinh ngày 17/10/2008 cho chị Võ Thị Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L và anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị L và anh N tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001357 ngày 10/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Võ Thị Kim L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Hữu N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Trung**